

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2021

BẢN TIN ĐỘT XUẤT
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN CÁC LƯU VỰC SÔNG VÙNG ĐÔNG NAM BỘ NĂM 2021
(Bản tin hỗ trợ vận hành ứng phó với áp thấp nhiệt đới)

I. THÔNG TIN VỀ ÁP THẤP NHIỆT ĐỚI

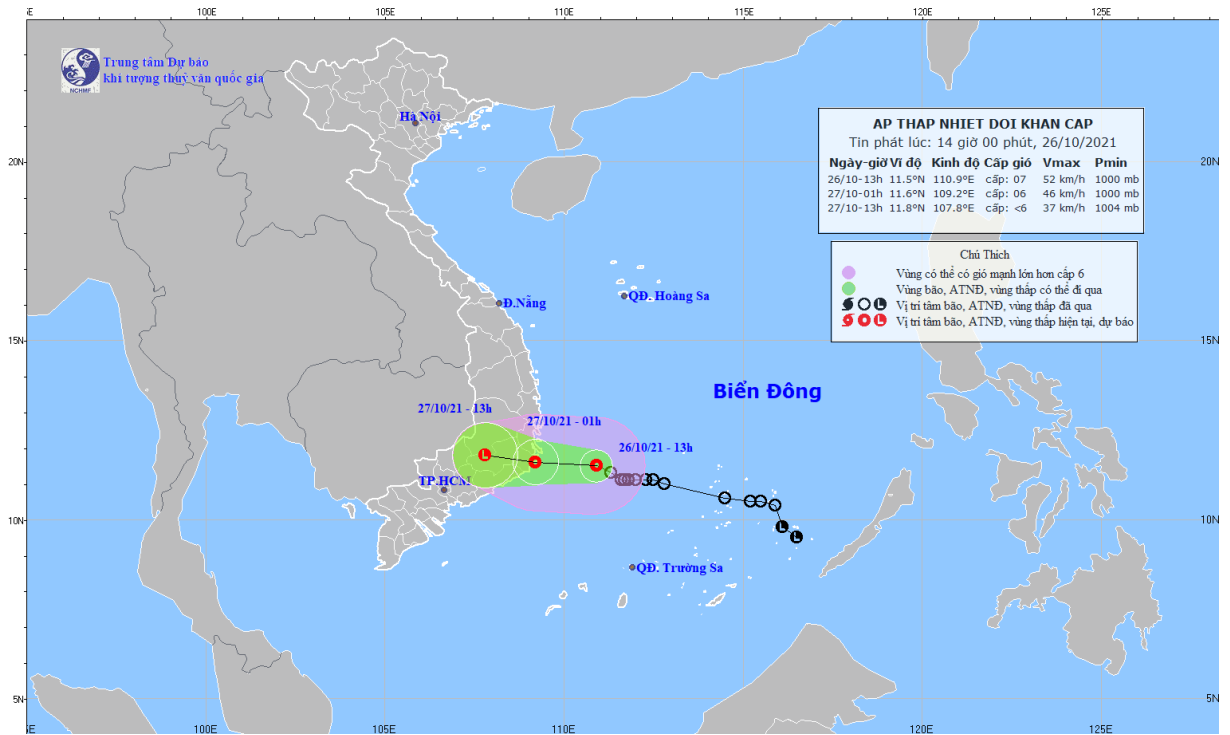
Theo thông tin từ Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn Quốc gia, hồi 13 giờ ngày 26/10, vị trí tâm áp thấp nhiệt đới ở vào khoảng 11,5 độ Vĩ Bắc; 110,9 độ Kinh Đông, cách Khánh Hòa khoảng 220km, cách Ninh Thuận khoảng 210km. Sức gió mạnh nhất vùng gần tâm áp thấp nhiệt đới mạnh cấp 6-7 (40-60km/giờ), giật cấp 9. Bán kính gió mạnh từ cấp 6, giật từ cấp 8 trở lên khoảng 100km tính từ tâm áp thấp nhiệt đới.

Dự báo trong 12 giờ tới, áp thấp nhiệt đới di chuyển chủ yếu theo hướng Tây, mỗi giờ đi được 10-15km. Đến 01 giờ ngày 27/10, vị trí tâm áp thấp nhiệt đới ở vào khoảng 11,6 độ Vĩ Bắc; 109,2 độ Kinh Đông, ngay trên bờ biển từ Khánh Hòa đến Bình Thuận. Sức gió mạnh nhất vùng gần tâm áp thấp nhiệt đới mạnh cấp 6 (40-50km/giờ), giật cấp 8.

Dự báo trong 12-24 giờ tiếp theo, áp thấp nhiệt đới di chuyển chủ yếu theo hướng Tây Tây Bắc, mỗi giờ đi được 10-15km, đi vào khu vực từ Khánh Hòa đến Bình Thuận và suy yếu dần thành một vùng áp thấp trên khu vực phía Nam Tây Nguyên. Sức gió mạnh nhất ở trung tâm vùng áp thấp giảm xuống dưới cấp 6 (dưới 40km/giờ).

Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai: cấp 3.

Dự báo mưa lớn: Từ chiều nay (26/10) đến hết ngày 27/10, ở khu vực miền Đông Nam Bộ có mưa to đến rất to, lượng mưa dự báo từ 100-150 mm, có nơi trên 200mm.



Hình 1: Hướng di chuyển dự kiến của áp thấp mới hình thành trên khu vực biển Đông

II. NGUỒN NƯỚC TRONG CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

3.1 Nguồn nước các hồ chứa lớn trên dòng chính lưu vực sông Đồng Nai

Tính đến thời điểm hiện tại, các hồ chứa lớn trên dòng chính lưu vực sông Đồng Nai có dung tích trữ đạt từ phổ biến từ 95-99% DTTK, mực nước ở mức thấp hơn mực nước dâng bình thường từ 0 - 2,3 m (Bảng 1).

Như vậy, mực nước hiện tại trong các hồ đều thấp hơn mực nước cao nhất trước lũ theo Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Đồng Nai (Quyết định số 1895/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25/12/2019).

Bảng 1: Nguồn nước tại các hồ chứa lớn trên dòng chính LVSDN

STT	Tên hồ	Tỉnh	MNDBT (m)	Mực nước hiện tại (m)	Chênh lệch mực nước hiện tại so với MNDBT (+/-) m	V_{MNDBT} (triệu m ³)	$V_{hiện tại}$ (triệu m ³)	Chênh lệch $V_{hiện tại}$ so với V_{MNDBT} (%)
1	Đơn Dương	Lâm Đồng	1.042	1.040	-2,3	165,0	143,8	87,2
2	Đại Ninh	Lâm Đồng	880	878,7	-1,3	319,8	297,3	93,0
3	Đồng Nai 2	Lâm Đồng	680	679,9	-0,1	280,8	279,2	99,4
4	Đồng Nai 3	Đắk Nông	590	588,1	-1,9	1.690,1	1.590,5	94,1
5	Đồng Nai 4	Đắk Nông	476	475,4	-0,6	337,2	327,2	97,0
6	Đắk RTih thượng	Đắk Nông	618	617,9	-0,1	137,1	135,6	98,9
7	Đồng Nai 5	Đắk Nông	290	288,0	-2,0	268,0	253,8	94,7
8	Hàm Thuận	Bình Thuận	605	604,6	-0,4	695,2	685,6	98,6
9	Đa Mí	Bình Thuận	325	325,0	0,0	140,8	140,8	100,0
10	Tri An	Đồng Nai	62	61,8	-0,2	2.764,7	2.703,0	97,8
11	Thác Mơ	Bình Phước	218	217,7	-0,3	1.355,4	1.324,2	97,7
12	Cần Đơn	Bình Phước	110	109,7	-0,3	165,5	160,9	97,2
13	Srock Phu Miêng	Bình Phước	72	72,0	0,0	99,3	99,0	99,7
14	Dầu Tiếng	Tây Ninh	24,4	23,7	-0,7	1.580,8	1.432,4	90,6
Tổng						9.999,6	9.573,3	95,74

3.2 Nguồn nước hồ thủy lợi trên các lưu vực sông vùng Đông Nam Bộ

- **Lưu vực dòng chính sông Đồng Nai** (các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Bình Dương và tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu): Hiện tại, dung tích trữ nước của các hồ chứa trong vùng trung bình đạt 131,43 triệu m³ (83% DTTK), thấp hơn so với cùng kỳ năm 2020, xấp xỉ so với cùng kỳ năm 2018, cao hơn so với cùng kỳ năm 2019 và TBNN.

- **Lưu vực sông Bé** (các tỉnh Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai): Dung tích trữ nước của các hồ chứa trong vùng trung bình đạt 219,1 triệu m³ (98% DTTK), cao hơn cùng kỳ các năm 2018-2020 và TBNN. Các hồ lớn trong vùng như: hồ Lộc Quang, Suối Giai, Đồng Xoài có dung tích trữ đạt 98-100% DTTK. Tại hồ thủy điện Cần Đơn dung tích trữ hiện tại là 160,9 triệu m³, đạt 97,2% DTTK.

- **Lưu vực sông Sài Gòn** (các tỉnh Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương, TP. HCM): Hiện tại, dung tích trữ nước của các hồ chứa trong vùng trung bình đạt 1466,92 triệu m³ (90,54% DTTK), cao hơn so với cùng kỳ năm 2018, 2019, 2020 và TBNN, xấp xỉ so với cùng kỳ năm 2017. Hồ chứa lớn nhất trong vùng là hồ Dầu Tiếng dung tích trữ đạt 1432,38 triệu m³ (90,6%).

Nhìn chung: Nguồn nước trữ tại các hồ chứa trên 3 lưu vực sông Đồng Nai, sông Bé, sông Sài Gòn vùng Đông Nam Bộ tính đến thời điểm ngày 26/10/2021 ở mức phổ biến từ **98 – 100% DTTK. Mức nước các hồ phổ biến ở xấp xỉ mức nước dâng bình thường.**

Phần lớn các hồ vùng Đông Nam Bộ không có cửa van, có tràn xả lũ là kiểu tràn tự do nên khi có lũ đến lưu lượng tự tràn qua tràn tự do. Riêng 04 hồ thủy lợi có cửa van trên khu vực hiện nay dung tích trữ đạt 78,7-90,6% DTTK, mực nước thấp hơn từ 1 – 2,4 m so với mực nước dâng bình thường. Danh sách các hồ chứa thủy lợi có dung tích hiện tại đạt trên 90% DTTK được thống kê ở Phụ lục 01.

Bảng 2: Nguồn nước tại 04 hồ thủy lợi vừa và lớn có cửa van vùng Đông Nam Bộ

STT	Tên hồ	Tỉnh	MNDBT (m)	Mức nước hiện tại (m)	Chênh lệch mức nước hiện tại so với MNDBT (+/-) m	V _{MNDBT} (triệu m ³)	V _{hiện tại} (triệu m ³)	Chênh lệch V _{hiện tại} so với V _{MNDBT} (%)
1	Dầu Tiếng	Tây Ninh	24,4	23,7	-1,5	1.580,8	1.432,4	90,6
2	Tha La	Tây Ninh	24,6	24,0	-0,7	23,5	19,3	82,2
3	Sông Ray	Bà Rịa-Vũng Tàu	72,9	70,5	-2,4	215,4	169,5	78,7
4	Đá Đen	Bà Rịa-Vũng Tàu	44,8	43,71	-1,1	33,4	27,2	81,4
Tổng						1.820	1.621	89,09

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Do ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới, dự báo mưa lớn xảy ra trên lưu vực sông Đồng Nai, sông Bé, sông Sài Gòn trong những ngày tiếp theo. Tổng lượng mưa dự báo trên lưu vực từ chiều 26/10 đến hết ngày 27/10/2021 phổ biến từ 100-150 mm, có nơi trên 200mm. **Hiện tại, các hồ thủy lợi vùng Đông Nam Bộ có dung tích trữ phổ**

biển đạt 98=100% DTTK, dự báo dòng chảy về các hồ chứa thủy lợi sẽ gia tăng, cảnh báo có thể xuất hiện lũ tràn qua đập tràn.

Khuyến nghị các địa phương hạ lưu các hồ chứa, đặc biệt là các khu vực: vùng dọc sông Sài Gòn đoạn qua tỉnh Bình Dương, TP HCM (khu vực hạ du hồ Dầu Tiếng), vùng ven sông Đồng Nai đoạn chảy qua địa bàn huyện Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu (tỉnh Đồng Nai), khu vực hạ du sông Buông đoạn qua huyện Trảng Bom và TP Biên Hòa (tỉnh Đồng Nai), sông Thị Tính đoạn qua phường Mỹ Phước (TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương), khu vực ven Suối Rạt (TP Đồng Xoài và huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước), **cần đề phòng tình trạng ngập lụt nếu có mưa lớn xảy ra và hồ chứa thượng lưu xả lũ.** Cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo của Trung tâm dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc Gia, Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để cập nhật tình hình khí tượng và thủy văn nhằm đảm bảo cập nhật thông tin mới nhất để có những biện pháp ứng phó kịp thời trong điều kiện thời tiết xấu.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo các sở NN&PTNT, CCTL, Cty KTCTTL 06 tỉnh vùng ĐNB;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu P. QHTL ĐNB và phụ cận.

VIỆN TRƯỞNG

**Phụ lục 01: Danh sách hồ chứa thủy lợi có dung tích đạt trên 90% DTTK
(tính đến ngày 26/10/2021)**

STT	Tên hồ	Tỉnh	MNDBT (m)	Mức nước hiện tại (m)	Chênh lệch mực nước hiện tại so với MNDBT (+/-) m	V _{MNDBT} (triệu m ³)	V _{hiện tại} (triệu m ³)	Chênh lệch V _{hiện tại} so với V _{MNDBT} (%)
1	Hồ Núi Le	Đồng Nai	134,75	134,84	0,1	3,5	3,6	102,7
2	Hồ Suối Đầm	Đồng Nai	79,29	79,37	0,1	1,4	1,4	101,5
3	Hồ Suối Rang	Đồng Nai	150,7	150,6	-0,1	2,0	2,0	98,5
4	Giao Thông	Đồng Nai	109,8	109,8	0,0	0,6	0,6	100,0
5	Hồ Sông Máy	Đồng Nai	24,5	24,4	-0,1	13,8	13,5	97,9
6	Hồ Cầu Mới tuyến V	Đồng Nai	73	73	0,0	9,0	9,0	100,0
7	Hồ Cầu Mới tuyến VI	Đồng Nai	87,5	87,4	-0,1	21,0	20,8	99,0
8	Hồ Đa Tôn	Đồng Nai	133,44	132,96	-0,5	19,8	18,1	91,8
9	Hồ Bà Long	Đồng Nai	29,8	29,85	0,1	1,2	1,2	101,1
10	Hồ Thanh Niên	Đồng Nai	49,7	49,6	-0,1	0,6	0,6	98,1
11	Hồ Tầm Bó	BRVT	139,8	139,8	0,0	5,9	5,8	100,0
12	Hồ Suối Giai	Bình Phước	62	62	0,0	21,3	21,3	100,0
13	Hồ NT6	Bình Phước	95,5	95,1	-0,4	2,8	2,5	91,4
14	Hồ NT9	Bình Phước	92	92	0,0	2,0	2,0	100,0
15	Hồ NT8	Bình Phước	162,1	162,1	0,0	1,3	1,3	100,0
16	Hồ Lộc Quang	Bình Phước	96,2	96,1	-0,1	5,8	5,7	98,4
17	Hồ Tân Lợi	Bình Phước	66,1	66,1	0,0	2,9	2,9	100,0
18	Hồ Suối Ông	Bình Phước	67,3	67,3	0,0	0,4	0,4	100,0
19	Hồ Bà Um	Bình Phước	74,25	74,25	0,0	1,6	1,6	100,0
20	Hồ NT 4	Bình Phước	124,3	124,3	0,0	2,6	2,6	100,0
21	Đập Thọ Sơn	Bình Phước	421,6	421,6	0,0	1,0	1,0	100,0
22	Hồ Đồng Xoài	Bình Phước	93,8	93,8	0,0	9,7	9,7	100,0
23	Hồ Bù Môn	Bình Phước	257,1	257,1	0,0	0,2	0,2	100,0
24	Hồ Sa Cát	Bình Phước	73,5	73,5	0,0	1,3	1,3	100,0
25	Hồ An Khương	Bình Phước	86,4	86,4	0,0	2,6	2,6	100,0
26	Hồ Ông Thọai	Bình Phước	225,35	225,35	0,0	1,8	1,8	100,0
27	Hồ Càn Đơn	Bình Phước	110	109,68	-0,3	165,5	160,9	97,2
28	Hồ Bù Nâu	Bình Phước	94,15	94,15	0,0	0,6	0,6	100,0
29	Hồ Tà Thiết	Bình Phước	62,84	62,84	0,0	1,2	1,2	100,0
30	Hồ Rừng Cẩm	Bình Phước	122,1	122,1	0,0	2,1	2,1	100,0
31	Suối Lấp	Bình Phước	45,9	45,8	-0,1	0,4	0,4	98,1
32	Ba Veng	Bình Phước	28,18	28,18	0,0	0,9	0,9	100,0
33	Lộc Thạnh	Bình Phước	122,1	122,1	0,0	3,0	3,0	100,0
34	Dầu Tiếng	Tây Ninh	24,4	23,73	-0,7	1580,8	1432,4	90,6